

**Mẫu số 01. Giấy xác nhận khai báo**

**TÊN CƠ QUAN XÁC NHẬN      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**KHAI BÁO                              Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .... /GXN-...

....., ngày ... tháng ... năm .....

**GIẤY XÁC NHẬN KHAI BÁO**

.....<sup>(1)</sup>.....

1. Tên tổ chức, cá nhân khai báo:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:                      Fax:                      Email:
4. Đã khai báo: .....<sup>1</sup>..... với thông tin kèm theo giấy xác nhận này.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  
**XÁC NHẬN KHAI BÁO**  
*(Ký tên, đóng dấu hoặc ký số điện tử)*

<sup>1</sup> Ghi rõ thiết bị bức xạ; thiết bị bức xạ gắn nguồn phóng xạ; nguồn phóng xạ; chất thải phóng xạ; vật liệu hạt nhân nguồn, vật liệu hạt nhân hoặc thiết bị hạt nhân. Xác nhận khai báo cho loại nào thì gửi kèm bảng thông tin theo mẫu tương ứng ở các trang sau.

**THÔNG TIN VỀ THIẾT BỊ BỨC XẠ**

*(Kèm theo giấy xác nhận khai báo số... ngày... tháng... năm .....*)

| TT | Tên thiết bị | Mã hiệu, số xê-ri | Các thông số kỹ thuật chính | Hãng, nước sản xuất | Mục đích sử dụng <sup>1</sup> | Địa điểm đặt thiết bị |
|----|--------------|-------------------|-----------------------------|---------------------|-------------------------------|-----------------------|
|    |              |                   |                             |                     |                               |                       |
|    |              |                   |                             |                     |                               |                       |

**THÔNG TIN VỀ THIẾT BỊ BỨC XẠ GẮN NGUỒN PHÓNG XẠ**

| T<br>T | Tên đồng vị phóng xạ | Mã hiệu, số xê-ri | Hãng, nước sản xuất | Hoạt độ/ | Mục đích sử dụng | Tên thiết bị gắn nguồn phóng xạ; Mã hiệu, số xê-ri; Địa điểm đặt thiết bị |
|--------|----------------------|-------------------|---------------------|----------|------------------|---------------------------------------------------------------------------|
|--------|----------------------|-------------------|---------------------|----------|------------------|---------------------------------------------------------------------------|

|  |  |  |  |                     |  |  |
|--|--|--|--|---------------------|--|--|
|  |  |  |  | Ngày<br>xác<br>định |  |  |
|  |  |  |  |                     |  |  |

#### THÔNG TIN VỀ NGUỒN PHÓNG XẠ

| TT | Tên<br>đồng vị<br>phóng xạ | Dạng<br>nguồn hở<br>hay nguồn<br>kín | Mã hiệu, số<br>xê-ri (đối với<br>nguồn kín) | Hãng,<br>nước sản<br>xuất | Trạng thái<br>vật lý (đối<br>với nguồn<br>hở) | Hoạt<br>độ/<br>Ngày<br>xác định | Mục<br>đích sử<br>dụng | Địa<br>điểm<br>đặt<br>nguồn |
|----|----------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------|------------------------|-----------------------------|
|    |                            |                                      |                                             |                           |                                               |                                 |                        |                             |

#### THÔNG TIN VỀ CHẤT THẢI PHÓNG XẠ

(Kèm theo giấy xác nhận khai báo số ... ngày ... tháng ... năm .....)

| TT | Lô chất<br>thải | Tên các đồng<br>vị phóng xạ<br>chính trong<br>chất thải | Hoạt độ<br>riêng (Bq/kg<br>hoặc Bq/l) | Trạng thái<br>vật lý (rắn<br>hoặc lỏng) | Khối lượng (đối với<br>thể rắn) hoặc thể tích<br>(đối với thể lỏng) | Địa<br>điểm<br>lưu giữ |
|----|-----------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|------------------------|
|    |                 |                                                         |                                       |                                         |                                                                     |                        |

#### THÔNG TIN VỀ VẬT LIỆU HẠT NHÂN NGUỒN, VẬT LIỆU HẠT NHÂN KHÔNG Ở DẠNG BÓ NHIÊN LIỆU

(Kèm theo giấy xác nhận khai báo số... ngày ... tháng ... năm ...)

| T<br>T | Loại | Khối lượng | Thành phần hóa học | Trạng thái vật lý | Nguồn gốc xuất xứ |
|--------|------|------------|--------------------|-------------------|-------------------|
|        |      |            |                    |                   |                   |
|        |      |            |                    |                   |                   |

#### THÔNG TIN VỀ VẬT LIỆU HẠT NHÂN Ở DẠNG BÓ NHIÊN LIỆU

(Kèm theo giấy xác nhận khai báo số ... ngày ... tháng ... năm ...)

| T<br>T | Mã hiệu<br>bó nhiên<br>liệu | Khối<br>lượng bó<br>nhiên liệu | Khối lượng<br>U-235 trong bó<br>nhiên liệu | Độ làm<br>giàu<br>trung<br>bình | Thành<br>phần hóa<br>học | Vật liệu vỏ<br>bọc thanh<br>nhiên liệu | Hãng,<br>nước sản<br>xuất |
|--------|-----------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|----------------------------------------|---------------------------|
|        |                             |                                |                                            |                                 |                          |                                        |                           |
|        |                             |                                |                                            |                                 |                          |                                        |                           |

#### THÔNG TIN VỀ THIẾT BỊ HẠT NHÂN

*(Kèm theo giấy xác nhận khai báo số ... ngày ... tháng ... năm ...)*

| <b>TT</b> | <b>Tên<br/>thiết bị</b> | <b>Mã<br/>hiệu,<br/>Xê-ri</b> | <b>Hãng, nước<br/>sản xuất</b> | <b>Năm sản<br/>xuất</b> | <b>Các thông số kỹ<br/>thuật chính</b> | <b>Mục đích<br/>sử dụng</b> | <b>Nơi đặt<br/>thiết bị</b> |
|-----------|-------------------------|-------------------------------|--------------------------------|-------------------------|----------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
|           |                         |                               |                                |                         |                                        |                             |                             |
|           |                         |                               |                                |                         |                                        |                             |                             |

---

<sup>1</sup> Ghi rõ xạ trị từ xa; xạ trị áp sát; máy đo trong công nghiệp; thăm dò địa chất; chụp ảnh phóng xạ; chiếu xạ công nghiệp; phân tích huỳnh quang tia X; chuẩn thiết bị; ....